

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH
KSH DEVELOPMENT AND INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 57/2017/KSH/CV

V/v: CBTT BCTC họp nhất bán niên năm 2017
đã được soát xét và giải trình số liệu trước và
sau soát xét

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017
Ha Noi, day 30 month 08 year 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities
Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock
Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH
- Mã chứng khoán/ *Security Symbol*: KSH
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại/ *Telephone*: 024 39364695
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Đức Thắng
Chức vụ/ *Position*: Tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

CBTT BCTC họp nhất bán niên năm 2017 đã được soát xét và giải trình số liệu trước và sau soát xét.

Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế.



.....
Lý do/ Reason:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 30/08/2017 tại đường dẫn: <http://ksh.com.vn/>

This information was disclosed on Company/Fund's Portal on date 30/08/2017 Available at: <http://ksh.com.vn/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/

Attachment:

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT /
Documents related to the disclosure

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Party authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Đức Cảnh





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
đã được soát xét

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84 8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 8) 3910 4880
CN Hà Nội: Số 15, ngõ 640, đường Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội Tel: (84 4) 3793 1428 / Fax: (84 4) 3793 1429

CNT45QA0P8 L2688-40004

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
đã được soát xét



MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------------|
| Báo cáo của Tổng Giám đốc | 2 – 3 |
| Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ | 4 – 6 |
| Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét | 7 – 35 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ | 7 – 9 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ | 10 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ | 11 – 12 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ | 13 – 35 |

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản HAMICO) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700189368 ngày 13 tháng 9 năm 2000 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 là buôn bán bao PP, sản lát khô và quặng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

| | |
|-----------------------|----------|
| Ông Nguyễn Đức Thắng | Chủ tịch |
| Ông Phạm Tiến Đạt | Ủy viên |
| Bà Nguyễn Thị Nguyệt | Ủy viên |
| Ông Hoàng Văn Pháo | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Ngọc Cương | Ủy viên |

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này là:

| | |
|----------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Đức Thắng | Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Hương Ly | Kế toán trưởng |

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Thắng

Số : 289./2017/BCSX-AASCN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH được lập ngày 30 tháng 8 năm 2017, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 10 tháng 4 năm 2017 và Vấn đề nhấn mạnh như sau:

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Không phù nhận ý kiến nêu trên, Kiểm toán viên xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến đoạn I.6 "Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính":

- Trong năm, Công ty đã thoái vốn đầu tư tại 02 Công ty: Công ty TNHH Venenergy và Công ty Cổ phần Khoáng sản Tam Sơn với số vốn lần lượt là 120.000.000.000 đồng và 115.000.000.000 đồng.
- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2016/KSH/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2016, Nghị quyết số 07/2016/KSH/NQ-HĐQT ngày 15/8/2016 của Hội đồng quản trị về việc mua lại vốn góp của ông Ngô Đồng Quang tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Gia Huy, Nghị quyết số 09/2016/KSH/NQ-HĐQT ngày 23/8/2016 của Hội đồng quản trị về việc đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông Lâm nghiệp Thịnh Vượng. Công ty đã đầu tư vào 02 liên kết: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông Lâm nghiệp Thịnh Vượng và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Gia Huy với số tiền lần lượt là 154.000.000.000 đồng và 130.000.000.000 đồng. Hai khoản đầu tư này chiếm 93,14% trên tổng tài sản của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.
- Công ty mua lại 15.400.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông Lâm nghiệp Thịnh Vượng của ông Phạm Văn Học với giá 154.000.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN-2016 ngày 25/8/2016.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông Lâm nghiệp Thịnh Vượng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Châu Á – Chi nhánh Hà Nội số 2010A/BCKT-TC/2017 ngày 20/02/2017. Báo cáo được phát hành dưới dạng ý kiến ngoại trừ về việc kiểm kê tiền mặt tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và đoạn lưu ý về việc góp vốn bằng tài sản được trình bày trên khoản mục Hàng tồn kho.

Hàng tồn kho có số dư là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có giá trị là 358.860.131.700 đồng. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 424 ha cây quế và cây bồ đề tại tiểu khu 234 xã Trì Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này đã được Công ty TNHH Thẩm định và Tư vấn Tâm Tín Nghĩa định giá vào tháng 7 năm 2016 theo Chứng thư thẩm định giá số 2906/2016/CTTĐG-TTN ngày 27 tháng 7 năm 2016 với giá trị 358.860.131.700 đồng. Tài sản định giá gồm: diện tích trồng cây bồ đề là 186,6 ha tương đương khoảng 373.200 cây bồ đề 04-06 năm tuổi, mật độ trồng rừng tương đương 2.000 cây/ha; và diện tích trồng cây quế là 237 ha tương đương 1.172.450 cây quế 01 năm tuổi, mật độ trồng rừng tương đương 4.900 cây/ha.

- Công ty mua lại 130.000.000.000 đồng phần vốn góp của ông Nguyễn Đồng Quang tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Gia Huy với giá 130.000.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 1508/HĐCN-2016 ngày 15/8/2016.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Gia Huy đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Châu Á – Chi nhánh Hà Nội số 20106A/BCKT-TC/2017 ngày 20/02/2017. Báo cáo được phát hành dưới dạng ý kiến ngoại trừ về việc kiểm kê tiền mặt tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và đoạn lưu ý về việc góp vốn bằng tài sản được trình bày trên khoản mục Hàng tồn kho.

- Hàng tồn kho có số dư là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có giá trị là 282.370.000.000 đồng. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 298 ha cây quế và cây bồ đề tại tiểu khu 119 thị trấn Phong Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này đã được Công ty TNHH Thẩm định và Tư vấn Tâm Tín Nghĩa định giá vào tháng 7 năm 2016 theo Chứng thư thẩm định giá số 3006/2016/CTTĐG-TTN ngày 27 tháng 7 năm 2016 với giá trị 282.370.000.000 đồng. Tài sản định giá gồm: diện tích trồng cây bồ đề là 164,4 ha tương đương khoảng 328.800 cây bồ đề 05 năm tuổi, mật độ trồng rừng tương đương 2.000 cây/ha; và diện tích trồng cây quế là 60 ha tương đương 272.700 cây quế 04 năm tuổi, mật độ trồng rừng tương đương 4.500 cây/ha.

Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc về việc: số liệu hợp nhất bao gồm số liệu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Huy Hoàng đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á theo Biên bản Kiểm toán tại ngày 11 tháng 8 năm 2017. Trong đó, như trình bày tại thuyết minh V.10, chi phí bóc phủ mỏ khai thác tại Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Huy Hoàng (công ty con) được xác định theo chứng từ thẩm định giá 0505B/2016/CTTĐG-TTN của Công ty TNHH Thẩm định và Tư vấn Tâm Tín Nghĩa ngày 26 tháng 6 năm 2016.

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| STT | TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------|--|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| A. | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 233.768.956.989 | 20.706.111.852 |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.01 | 1.470.726.390 | 587.989.455 |
| 1. | Tiền | 111 | | 1.470.726.390 | 587.989.455 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. | Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 160.803.255.162 | 20.086.277.397 |
| 1. | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.03 | 84.225.960.604 | 9.205.000.000 |
| 2. | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.04 | 61.202.771.956 | 75.000.000 |
| 3. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.05 | 13.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| 6. | Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.06 | 2.374.522.602 | 806.277.397 |
| 7. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | - | - |
| 8. | Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. | Hàng tồn kho | 140 | V.07 | 70.214.210.550 | - |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | | 70.214.210.550 | - |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| V. | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.280.764.887 | 31.845.000 |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.10 | 113.535.000 | 31.845.000 |
| 2. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 1.167.229.887 | - |
| 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. | Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| STT | TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B. | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 541.153.459.345 | 284.198.331.580 |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 70.214.777.000 | 63.690.000 |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. | Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | V.04 | - | - |
| 3. | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. | Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. | Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. | Phải thu dài hạn khác | 216 | V.06 | 70.214.777.000 | 63.690.000 |
| 7. | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - |
| II. | Tài sản cố định | 220 | | 48.902.064.486 | 15.002.134 |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.09 | 48.902.064.486 | 15.002.134 |
| | - Nguyên giá | 222 | | 51.576.595.758 | 41.544.364 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (2.674.531.272) | (26.542.230) |
| III. | Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | V.08 | 1.249.748.750 | - |
| 1. | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 1.249.748.750 | - |
| V. | Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.02 | 359.828.190.409 | 284.000.000.000 |
| 1. | Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 359.648.220.409 | 284.000.000.000 |
| 3. | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 179.970.000 | - |
| 4. | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | - | - |
| 5. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. | Tài sản dài hạn khác | 260 | | 60.958.678.700 | 119.639.446 |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.10 | 60.958.678.700 | 119.639.446 |
| 2. | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. | Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. | Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. | Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 774.922.416.334 | 304.904.443.432 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| STT | NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. | NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 117.138.951.633 | 10.503.382.782 |
| I. | Nợ ngắn hạn | 310 | | 117.138.951.633 | 10.503.382.782 |
| 1. | Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 26.975.965.030 | 10.160.000.000 |
| 2. | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 3.050.000.000 | - |
| 3. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 142.786.103 | 185.878.157 |
| 4. | Phải trả người lao động | 314 | | 14.070.000 | - |
| 5. | Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | - | 150.000.000 |
| 9. | Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16 | 47.130.500 | 7.504.625 |
| 10. | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.11 | 86.909.000.000 | - |
| II. | Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 8. | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.11 | - | - |
| D. | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 657.783.464.701 | 294.401.060.650 |
| I. | Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | 657.783.464.701 | 294.401.060.650 |
| 1. | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 575.096.750.000 | 280.535.000.000 |
| | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 575.096.750.000 | 280.535.000.000 |
| | - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 11. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 16.768.700.809 | 13.866.060.650 |
| | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 13.866.060.650 | 13.320.235.716 |
| | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 2.902.640.159 | 545.824.934 |
| 13. | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 65.918.013.892 | - |
| II. | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 774.922.416.334 | 304.904.443.432 |

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hương Ly

Nguyễn Hương Ly

Nguyễn Đức Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 | Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 |
|------|---|-------|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.01 | 22.377.851.234 | 24.395.992.000 |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 22.377.851.234 | 24.395.992.000 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.02 | 20.828.312.144 | 23.739.127.000 |
| 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 1.549.539.090 | 656.865.000 |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.03 | 2.132.937.806 | 587.631.753 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | VI.04 | 117.667.123 | - |
| | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 117.667.123 | - |
| 8. | Phần lãi, lỗ trong công ty liên doanh liên kết | 45 | | 648.220.409 | - |
| 9. | Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 10. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.06 | 848.251.320 | 776.113.896 |
| 11. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 3.364.778.862 | 468.382.857 |
| 12. | Thu nhập khác | 31 | | - | - |
| 13. | Chi phí khác | 32 | VI.05 | 133.715.215 | - |
| 14. | Lợi nhuận khác | 40 | | (133.715.215) | - |
| 15. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 3.231.063.647 | 468.382.857 |
| 16. | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.07 | 51.350.478 | - |
| 17. | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 3.179.713.169 | 468.382.857 |
| 18.1 | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | | | 277.073.010 | - |
| 18.2 | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | | | 2.902.640.159 | 468.382.857 |
| 19. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.08 | 84 | 17 |
| 20. | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.09 | 84 | 17 |

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Hương Ly

Nguyễn Hương Ly

Nguyễn Đức Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 | Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 |
|------------|--|-------|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| I. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. | Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 3.231.063.647 | 468.382.857 |
| 2. | Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - | Khấu hao tài sản cố định và lãi từ giao dịch mua giá rẻ | 02 | | (1.860.910.090) | 6.924.060 |
| - | Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - | Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - | Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (265.103.656) | (587.397.260) |
| - | Chi phí lãi vay | 06 | | 117.667.123 | - |
| - | Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 1.222.717.024 | (112.090.343) |
| - | Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (3.947.103.230) | (23.171.122.406) |
| - | Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (25.962.955.943) | - |
| - | Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | | (4.637.764.427) | 24.067.887.549 |
| - | Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 11.192.693 | (27.507.280) |
| - | Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - | Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (117.667.123) | - |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (146.608.772) | (1.453.132.136) |
| - | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (33.578.189.778) | (695.964.616) |
| II. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| - | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 | | - | - |
| - | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | | - | - |
| - | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (3.000.000.000) | - |
| - | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 8.000.000.000 | - |
| - | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (261.989.536.738) | - |
| - | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| - | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 88.713.451 | 587.397.260 |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (256.900.823.287) | 587.397.260 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 | Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 |
|-------------|---|-----------|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| III. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 299.561.750.000 | - |
| 2. | Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. | Tiền thu từ đi vay | 33 | | 9.000.000.000 | - |
| 4. | Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (17.200.000.000) | - |
| 5. | Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 291.361.750.000 | - |
| | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 882.736.935 | (108.567.356) |
| | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 587.989.455 | 4.895.654.374 |
| | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | | 1.470.726.390 | 4.787.087.018 |

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Hương Ly

Nguyễn Hương Ly

Nguyễn Đức Thắng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty và công ty con trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 là buôn bán bao PP, sản lát khô và quặng.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty kéo dài không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các công ty con được hợp nhất bao gồm:

| Tên công ty con | Địa chỉ | Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày | Quyền biểu quyết của Công ty mẹ | |
|---|---|---------------------------------------|---------------------------------|---------|
| | | 30/6/2017 | Cuối kỳ | Đầu năm |
| 1. Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Huy Hoàng | Số nhà 348, đường Nhạc Sơn, tổ 29, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. | 75,00% | 75,00% | - |
| 2. Công ty CP Đầu tư Tài nguyên Sa Pa | Số nhà 58, tổ 7, phố Cầu Mây, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai. | 93,33% | 93,33% | - |
| 3. Công ty TNHH Đầu tư Tam Nguyên | Số nhà 002, đường Thanh Niên, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. | 71,07% | 71,07% | - |

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

| Tên công ty liên kết, liên doanh | Địa chỉ | Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày | Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày |
|--|---|---------------------------------------|--|
| | | 30/6/2017 | 30/6/2017 |
| 1. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nông lâm nghiệp Thịnh Vượng | Tầng 1, số nhà 257, đường Minh Khai, Phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. | 42,29% | 43,82% |
| 2. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Gia Huy | Số nhà 428, đường Khánh Yên, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. | 44,49% | 44,49% |
| 3. Công ty CP Phân Lân Nung chảy Lào Cai | Số nhà 348, đường Nhạc Sơn, tổ 29, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. | 27,78% | 27,78% |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 có thể so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2016.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

03. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

| | |
|-----------------------------------|--------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc | 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 năm |

07. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế:

Nếu BCC quy định các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC thì:

- Các bên thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.
- Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán ra trong kỳ.
Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------|
| - Tiền mặt | 1.437.353.920 | 580.474.060 |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 33.372.470 | 7.515.395 |
| Cộng | 1.470.726.390 | 587.989.455 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**02. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối kỳ | | | | | Số đầu năm | | | | |
|---|------------|--------------------|------------------------|----------|------------------------|------------|--------------------|------------------------|----------|------------------------|
| | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý (*) | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý (*) |
| - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | | 359.000.000.000 | - | 359.648.220.409 | | | 284.000.000.000 | - | 284.000.000.000 |
| + Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nông lâm nghiệp Thịnh Vượng | 42,29 | 43,82 | 179.000.000.000 | - | 179.515.854.219 | 37,70 | 37,70 | 154.000.000.000 | - | 154.000.000.000 |
| + Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Gia Huy | 44,49 | 44,49 | 130.000.000.000 | - | 130.132.366.190 | 44,49 | 44,49 | 130.000.000.000 | - | 130.000.000.000 |
| + Công ty CP Phân Lân Nung chảy Lào Cai (a) | 27,78 | 27,78 | 50.000.000.000 | - | 50.000.000.000 | - | - | - | - | - |
| - Đầu tư vào đơn vị khác | | | 179.970.000 | - | 179.970.000 | | | - | - | - |
| + Công ty CP Khoáng sản Lào Cai | 0,28 | 0,28 | 179.970.000 | - | 179.970.000 | - | - | - | - | - |
| Cộng | | | 359.179.970.000 | - | 359.828.190.409 | | | 284.000.000.000 | - | 284.000.000.000 |

(a) Trong kỳ, Công ty mua 5.000.000 cổ phần Công ty CP Phân Lân Nung chảy Lào Cai với giá 10.000 đồng/cổ phiếu được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 20/6/2016. Tại ngày 30/6/2017, Công ty nắm giữ 5.000.000 cổ phần, mệnh giá chiếm 27,78% vốn điều lệ của Công ty CP Phân Lân Nung chảy Lào Cai.

(*): Giá trị hợp lý được xác định theo phương pháp vốn chủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|----------------------|
| a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn | 84.225.960.604 | 9.205.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Khoáng sản Lào Cai | 6.186.236.356 | - |
| - Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Thương mại Xuất khẩu Hưng Yên | - | 9.185.000.000 |
| - Công ty Việt Trung | 74.187.517.361 | - |
| - Công ty TNHH MTV Kinh doanh XNK Việt Tú | 2.658.000.000 | - |
| - Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác | 1.194.206.887 | 20.000.000 |
| b. Phải thu của khách hàng dài hạn | - | - |
| Cộng | 84.225.960.604 | 9.205.000.000 |

04. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-------------------|
| a. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 61.202.771.956 | 75.000.000 |
| - Công ty TNHH PKF Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | - | 75.000.000 |
| - Công ty TNHH Toàn Thắng | 29.738.382.720 | - |
| - Công ty CP Khoáng sản Toàn Thắng | 2.057.140.600 | - |
| - Công ty TNHH Dịch vụ Linh Anh | 5.783.403.636 | - |
| - Công ty CP Thương mại Đông Đô Việt | 13.479.500.000 | - |
| - Công ty TNHH Venergy | 10.000.000.000 | - |
| - Trả trước cho người bán ngắn hạn khác | 144.345.000 | - |
| b. Trả trước cho người bán dài hạn | - | - |
| Cộng | 61.202.771.956 | 75.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu về cho vay

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a. Ngắn hạn | 13.000.000.000 | - | 10.000.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Phân Lân Nung chảy Lào Cai ^(a) | 10.000.000.000 | - | 10.000.000.000 | - |
| - Ông Nguyễn Trung Hiếu ^(b) | 3.000.000.000 | - | - | - |
| Cộng | 13.000.000.000 | - | 10.000.000.000 | - |

(a) Khoản cho Công ty Cổ phần Phân Lân Nung chảy Lào Cai vay theo Hợp đồng cho vay ngày 30/9/2016, số tiền cho vay là 10.000.000.000, lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 01 năm. Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Lào Cai sử dụng vốn vay để đầu tư vào dự án Nhà máy phân lân nung chảy công suất 100.000 tấn/năm.

(b) Khoản cho Ông Nguyễn Trung Hiếu vay theo Hợp đồng ngày 25 tháng 6 năm 2017. Thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất vay 7%/năm.

06. Phải thu khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a. Ngắn hạn | 2.374.522.602 | - | 806.277.397 | - |
| - Tạm ứng | 2.000.000.000 | - | - | - |
| - Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 550.000 | - | 550.000 | - |
| - Phải thu khác | 373.972.602 | - | 805.727.397 | - |
| + <i>Lãi tiền vay của Công ty Cổ phần Phân Lân Nung chảy Lào Cai</i> | 373.972.602 | - | 126.027.397 | - |
| + <i>Phải thu ông Vũ Minh Thành - về bồi thường tiền thuế TNDN bị truy thu theo Biên bản làm việc ngày 07/11/2016</i> | - | - | 679.700.000 | - |
| b. Dài hạn | 70.214.777.000 | - | 63.690.000 | - |
| - Ký quỹ, ký cược dài hạn | 214.777.000 | - | 63.690.000 | - |
| - Phải thu khác | 70.000.000.000 | - | - | - |
| + Công ty CP Khoáng sản Toàn Thắng (*) | 70.000.000.000 | - | - | - |
| Cộng | 72.589.299.602 | - | 869.967.397 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*): Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2017/HDHTKD/KSTT-SAPA ngày 15/05/2017 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Sa Pa (Công ty con) và Công ty Cổ phần Khoáng sản Toàn Thắng về việc góp vốn cùng đầu tư vào dự án "Khu nhà hàng sinh thái và quần thể vui chơi giải trí hồ Nà Cồ, Huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai (chủ đầu tư của dự án là Công ty TNHH MTV kinh doanh XNK Việt Tú), trong đó, công ty Toàn Thắng góp 10.000.000.000 đồng và công ty Sa Pa góp 70.000.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Sa Pa được hưởng lợi nhuận từ dự án là 45% theo quyết toán từ Dự án và cuối mỗi năm tài chính.

Thời hạn hợp tác bắt đầu từ ngày 15/05/2017 đến hết thời hạn sử dụng đất của dự án nếu như dự án không gia hạn thêm thời gian thuê đất hoặc thời gian lâu hơn nếu dự án tiếp tục được gia hạn thời gian sử dụng đất. Thời gian sử dụng đất của dự án được xác định sau khi Công ty TNHH MTV kinh doanh XNK Việt Tú xin dự án thành công và được tính từ ngày Công ty TNHH MTV kinh doanh XNK Việt Tú ký kết hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

07. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------|-----------------------|----------|------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 19.373.369.678 | - | - | - |
| - Công cụ, dụng cụ | - | - | - | - |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 8.971.394.977 | - | - | - |
| - Thành phẩm | 15.416.698.881 | - | - | - |
| - Hàng hoá | 26.452.747.014 | - | - | - |
| - Hàng gửi bán | - | - | - | - |
| - Hàng hoá kho bảo thuế | - | - | - | - |
| Cộng | 70.214.210.550 | - | - | - |

08. Tài sản dở dang dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------------|------------|
| | | |
| a. Xây dựng cơ bản dở dang | | |
| - Xây dựng cơ bản | 1.249.748.750 | - |
| + Công trình xây dựng đường lên mỏ và đường nội bộ | 1.249.748.750 | - |
| Cộng | 1.249.748.750 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa vật kiến trúc | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Tổng cộng |
|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|
| I. Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | - | 41.544.364 | 41.544.364 |
| - Mua trong kỳ | - | - | - |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành | - | - | - |
| - Tăng do hợp nhất | 51.535.051.394 | - | 51.535.051.394 |
| - Chuyển sang bất động sản đầu tư | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 51.535.051.394 | 41.544.364 | 51.576.595.758 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | - | 26.542.230 | 26.542.230 |
| - Khấu hao trong kỳ | 286.305.841 | 6.924.060 | 293.229.901 |
| - Tăng do hợp nhất | 2.354.759.141 | - | 2.354.759.141 |
| - Chuyển sang bất động sản đầu tư | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 2.641.064.982 | 33.466.290 | 2.674.531.272 |
| III. Giá trị còn lại | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | - | 15.002.134 | 15.002.134 |
| 2. Tại ngày cuối kỳ | 48.893.986.412 | 8.078.074 | 48.902.064.486 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 0 đồng.

10. Chi phí trả trước

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------|-----------------------|--------------------|
| a. Ngắn hạn | 113.535.000 | 31.845.000 |
| - Chi phí thuê văn phòng | 113.535.000 | 31.845.000 |
| b. Dài hạn | 60.958.678.700 | 119.639.446 |
| - Công cụ dụng cụ xuất dụng | 44.921.305 | 119.639.446 |
| - Chi phí khác | 14.557.539 | - |
| - Chi phí bóc phủ mỏ khai thác (*) | 60.899.199.856 | - |
| Cộng | 61.072.213.700 | 151.484.446 |

(*) Là chi phí bóc phủ mỏ khai thác của Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Huy Hoàng (công ty con) được xác định theo chứng tư thẩm định giá 0505B/2016/CTTĐG-TTN ngày 26 tháng 6 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuê tài chính

| | Số đầu năm | | Tăng/ giảm trong kỳ do hợp nhất kinh doanh | | Trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|--|------------|-----------------------|--|------|---------------|----------------|----------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a. Vay ngắn hạn | - | - | 95.109.000.000 | - | 9.000.000.000 | 17.200.000.000 | 86.909.000.000 | 86.909.000.000 |
| - Vay ngân hàng | - | - | 15.689.000.000 | - | - | - | 15.689.000.000 | 15.689.000.000 |
| + Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Lào Cai ^(a) | - | - | 15.689.000.000 | - | - | - | 15.689.000.000 | 15.689.000.000 |
| - Vay đối tượng khác | - | - | 79.420.000.000 | - | 9.000.000.000 | 17.200.000.000 | 71.220.000.000 | 71.220.000.000 |
| + Ông Lục Trung Hải ^(b) | - | - | 55.600.000.000 | - | - | 17.200.000.000 | 38.400.000.000 | 38.400.000.000 |
| + Bà Phạm Thị Quế ^(b) | - | - | 23.820.000.000 | - | - | - | 23.820.000.000 | 23.820.000.000 |
| + Bà Lê Thùy Linh ^(b) | - | - | - | - | 9.000.000.000 | - | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 |
| b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Cộng | - | - | 95.109.000.000 | - | 9.000.000.000 | 17.200.000.000 | 86.909.000.000 | 86.909.000.000 |

^(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Lào Cai thời hạn vay mỗi khế ước là 06 tháng. Lãi suất: 9,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba.

^(b) Các khoản vay cá nhân thời hạn vay 01 năm lãi suất 0%/năm được đảm bảo bằng tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a. Phải trả người bán ngắn hạn | 26.975.965.030 | 26.975.965.030 | 10.160.000.000 | 10.160.000.000 |
| - Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông sản Thăng Long | - | - | 8.690.000.000 | 8.690.000.000 |
| - Công ty CP Phát triển Công nghệ Sky Life Farms | 2.940.000.000 | 2.940.000.000 | 1.470.000.000 | 1.470.000.000 |
| - Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại và Xây dựng Duy Anh | 5.722.387.000 | 5.722.387.000 | - | - |
| - Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phúc Lâm Việt Nam | 3.403.735.000 | 3.403.735.000 | - | - |
| - Công ty TNHH MTV Kinh doanh XNK Việt Tú | 12.530.000.000 | 12.530.000.000 | - | - |
| - Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác | 2.379.843.030 | 2.379.843.030 | - | - |
| b. Phải trả người bán dài hạn | - | - | - | - |
| Cộng | 26.975.965.030 | 26.975.965.030 | 10.160.000.000 | 10.160.000.000 |

13. Người mua trả tiền trước

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 3.050.000.000 | 3.050.000.000 | - | - |
| - Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác | 3.050.000.000 | 3.050.000.000 | - | - |
| b. Người mua trả tiền trước dài hạn | - | - | - | - |
| Cộng | 3.050.000.000 | 3.050.000.000 | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số phải thu cuối kỳ | Số phải nộp cuối kỳ |
|--|---------------------|---------------------|----------------------|-------------------------|---------------------|---------------------|
| - Thuế giá trị gia tăng đầu ra | - | 39.269.385 | 8.659.028.645 | 8.698.298.030 | - | - |
| - Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | - | - | - | - | - | - |
| - Thuế tiêu thụ đặc biệt | - | - | - | - | - | - |
| - Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | - | - | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 146.608.772 | 139.786.103 | 146.608.772 | - | 139.786.103 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | - | - | - | - | - | - |
| - Thuế tài nguyên | - | - | - | - | - | - |
| - Thuế nhà đất và tiền thuê đất | - | - | - | - | - | - |
| - Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác | - | - | 5.000.000 | 2.000.000 | - | 3.000.000 |
| - Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 133.715.215 | 133.715.215 | - | - |
| Cộng | - | 185.878.157 | 8.937.529.963 | 8.980.622.017 | - | 142.786.103 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|
| a. Ngắn hạn | - | 150.000.000 |
| - Trích trước chi phí dịch vụ mua ngoài | - | 150.000.000 |
| b. Dài hạn | - | - |
| Cộng | - | 150.000.000 |

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|------------|------------|
| a. Ngắn hạn | 47.130.500 | 7.504.625 |
| - Tài sản thừa chờ giải quyết | - | - |
| - Kinh phí công đoàn | - | - |
| - Bảo hiểm xã hội | 37.534.875 | 5.863.700 |
| - Bảo hiểm y tế | 6.643.125 | 1.136.025 |
| - Bảo hiểm thất nghiệp | 2.952.500 | 504.900 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | - | - |
| b. Dài hạn | - | - |
| Cộng | 47.130.500 | 7.504.625 |

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Lợi nhuận chưa phân phối | Lợi ích cổ đồng không kiểm soát | Cộng |
|-----------------------------|---------------------------|--------------------------------|---------------------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm trước | 280.535.000.000 | 13.320.235.716 | - | 293.855.235.716 |
| Tăng vốn trong năm trước | - | - | - | - |
| Lãi/(lỗ) trong năm trước | - | 545.824.934 | - | 545.824.934 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - |
| Giảm khác | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm trước | 280.535.000.000 | 13.866.060.650 | - | 294.401.060.650 |
| Số dư đầu năm nay | 280.535.000.000 | 13.866.060.650 | - | 294.401.060.650 |
| Tăng vốn trong kỳ (*) | 294.561.750.000 | - | 65.000.000.000 | 359.561.750.000 |
| Lãi/(lỗ) trong kỳ | - | 2.902.640.159 | 277.073.010 | 3.179.713.169 |
| Tăng khác | - | - | 640.940.882 | 640.940.882 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 575.096.750.000 | 16.768.700.809 | 65.918.013.892 | 657.783.464.701 |

(*): Phát hành Cổ phiếu để tăng vốn được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 20/6/2016. Mục đích của vốn thu được từ các đợt chào bán được dùng để mua cổ phần, góp vốn vào một số doanh nghiệp khác (theo tờ trình số 03/2016/TTr-HĐQT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng quản trị).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH
Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ lệ | Giá trị | Tỷ lệ |
| - Vốn góp của các cổ đông | 575.096.750.000 | 100% | 280.535.000.000 | 100% |
| Cộng | 575.096.750.000 | 100% | 280.535.000.000 | 100% |

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 | Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 |
|-----------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| - Vốn góp của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 280.535.000.000 | 280.535.000.000 |
| + Vốn góp tăng trong kỳ | 294.561.750.000 | - |
| + Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| + Vốn góp cuối kỳ | 575.096.750.000 | 280.535.000.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | | - |

d. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 57.509.675 | 28.053.500 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 57.509.675 | 28.053.500 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 57.509.675 | 28.053.500 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| + Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 57.509.675 | 28.053.500 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 57.509.675 | 28.053.500 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 | Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 |
|----------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 17.117.636.365 | 24.395.992.000 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 5.260.214.869 | |
| Cộng | 22.377.851.234 | 24.395.992.000 |

02. Giá vốn hàng bán

| | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 | Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 |
|------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 16.803.863.634 | 23.739.127.000 |
| Giá vốn của dịch vụ cung cấp | 4.024.448.510 | - |
| Cộng | 20.828.312.144 | 23.739.127.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 | Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 |
|-------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 265.103.656 | 587.631.753 |
| - Lãi từ giao dịch mua giá rẻ | 1.867.834.150 | - |
| Cộng | 2.132.937.806 | 587.631.753 |

04. Chi phí tài chính

| | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 | Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 |
|----------------|--------------------------------|--------------------------------|
| - Lãi tiền vay | 117.667.123 | - |
| Cộng | 117.667.123 | - |

05. Chi phí khác

| | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 | Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 |
|---|--------------------------------|--------------------------------|
| - Các khoản phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính | 133.715.215 | - |
| Cộng | 133.715.215 | - |

06. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 | Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 |
|--|--------------------------------|--------------------------------|
| a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh | 848.251.320 | 776.113.896 |
| - Chi phí nhân viên quản lý | 456.124.461 | 104.212.200 |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng | 59.256.352 | 56.456.970 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 6.924.060 | 6.924.060 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 6.000.000 | 42.693.009 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 319.946.447 | 565.827.657 |
| b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh | - | - |
| Cộng | 848.251.320 | 776.113.896 |

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 | Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 |
|---|--------------------------------|--------------------------------|
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành | 51.350.478 | - |
| - Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này | - | - |
| - Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | 51.350.478 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 | Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 |
|---|--------------------------------|--------------------------------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông | 2.902.640.159 | 468.382.857 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông | - | - |
| - Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 2.902.640.159 | 468.382.857 |
| - Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 34.607.109 | 28.053.500 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 84 | 17 |

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017.

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 | Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 |
|---|--------------------------------|--------------------------------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông | 2.902.640.159 | 468.382.857 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông | - | - |
| - Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 2.902.640.159 | 468.382.857 |
| - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 34.607.109 | 28.053.500 |
| - Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm | - | - |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 84 | 17 |

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017.

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 | Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 |
|------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 115.187.601 | 56.456.970 |
| - Chi phí nhân công | 1.093.794.461 | 104.212.200 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 293.229.901 | 6.924.060 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.986.321.329 | 565.827.657 |
| - Chi phí khác bằng tiền | 28.142.379 | 42.693.009 |
| Cộng | 6.516.675.671 | 776.113.896 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSHSố 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.
Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | <u>Từ 01/01/2017</u> <u>đến 30/6/2017</u> |
|---|--|
| Ông Nguyễn Đức Thắng – Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị | |
| - Vay tiền (không tính lãi) | 1.900.000.000 |
| - Trả tiền vay | 1.900.000.000 |
| Bà Phạm Thị Quế – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty con | |
| - Vay tiền (không tính lãi) | 23.820.000.000 |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-------------------|
| Bà Phạm Thị Quế – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty con | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | 23.820.000.000 | - |
| Cộng nợ phải trả | <u>23.820.000.000</u> | <u>-</u> |

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Từ 01/01/2017</u> <u>đến 30/6/2017</u> | <u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/6/2016</u> |
|-------------|--|--|
| Tiền lương | 106.139.251 | 113.609.580 |
| Cộng | <u>106.139.251</u> | <u>113.609.580</u> |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|---------------------|
| + Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nông lâm nghiệp Thịnh Vượng | Là Công ty liên kết |
| + Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Gia Huy | Là Công ty liên kết |
| + Công ty CP Phân Lân Nung chảy Lào Cai | Là Công ty liên kết |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Từ 01/01/2017
đến 30/6/2017*Công ty CP Phân Lân Nung chảy Lào Cai*

- Lãi tiền gửi tiền cho vay 247.945.205

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|--------------------|
| <i>Công ty CP Phân Lân Nung chảy Lào Cai</i> | | |
| + Lãi tiền vay phải thu Công ty Cổ phần Phân Lân Nung chảy Lào Cai | 373.972.602 | 126.027.397 |
| Cộng nợ phải thu | 373.972.602 | 126.027.397 |

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: Bán bao PP, sản lát khô, quặng;
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ: cung cấp dịch vụ vận chuyên.
- Lĩnh vực khai thác tài nguyên: Khai thác quặng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

| | <u>Bán hàng hóa</u> | <u>Cung cấp dịch vụ</u> | <u>Khai thác tài nguyên</u> | <u>Cộng</u> |
|--|------------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 | | | | |
| - Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 17.117.636.365 | 5.260.214.869 | - | 22.377.851.234 |
| - Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác | - | - | - | - |
| - Chi phí phân bổ | 14.779.967.059 | 4.233.105.313 | - | 19.013.072.372 |
| - Lợi nhuận từ hoạt động KD | 2.337.669.306 | 1.027.109.556 | - | 3.364.778.862 |
| - Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn | 290.760.000 | - | - | 290.760.000 |
| - Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 276.154.662 | 295.027.932 | - | 571.182.594 |
| Số dư tại ngày 30/6/2017 | | | | |
| - Tài sản trực tiếp của bộ phận | 245.597.804.500 | 221.296.481 | 154.804.398.554 | 400.623.499.535 |
| - Tài sản không phân bổ | | | | 374.298.916.799 |
| Tổng tài sản | 245.597.804.500 | 221.296.481 | 154.804.398.554 | 774.922.416.334 |
| - Nợ phải trả bộ phận | 100.499.270.689 | 16.639.680.944 | - | 117.138.951.633 |
| - Nợ phải trả không phân bổ | | | | - |
| Tổng nợ phải trả | 100.499.270.689 | 16.639.680.944 | - | 117.138.951.633 |

Khu vực địa lý:

Toàn bộ lĩnh vực hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | | | Giá trị hợp lý | |
|--------------------------------------|------------------------|----------|-----------------------|----------|------------------------|-----------------------|
| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| | Giá trị ghi sổ | Dự phòng | Giá trị ghi sổ | Dự phòng | | |
| Tài sản tài chính | | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.470.726.390 | - | 587.989.455 | - | 1.470.726.390 | 587.989.455 |
| Phải thu về cho vay | 13.000.000.000 | - | 10.000.000.000 | - | 13.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 154.599.933.206 | - | 10.010.727.397 | - | 154.599.933.206 | 10.010.727.397 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | - | - | - | - | - | - |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 179.970.000 | - | - | - | 179.970.000 | - |
| Cộng | 169.250.629.596 | - | 20.598.716.852 | - | 169.250.629.596 | 20.598.716.852 |

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả cho người bán | 26.975.965.030 | 10.160.000.000 | 26.975.965.030 | 10.160.000.000 |
| Vay và nợ | 86.909.000.000 | - | 86.909.000.000 | - |
| Chi phí phải trả | - | 150.000.000 | - | 150.000.000 |
| Các khoản phải trả khác | - | - | - | - |
| Cộng | 113.884.965.030 | 10.310.000.000 | 113.884.965.030 | 10.310.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | | | |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|------------------------|
| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
| Số cuối kỳ | | | | |
| Phải trả cho người bán | 26.975.965.030 | - | - | 26.975.965.030 |
| Vay và nợ | 86.909.000.000 | - | - | 86.909.000.000 |
| Chi phí phải trả | - | - | - | - |
| Các khoản phải trả khác | - | - | - | - |
| Cộng | 113.884.965.030 | - | - | 113.884.965.030 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả cho người bán | 10.160.000.000 | - | - | 10.160.000.000 |
| Vay và nợ | - | - | - | - |
| Chi phí phải trả | 150.000.000 | - | - | 150.000.000 |
| Các khoản phải trả khác | - | - | - | - |
| Cộng | 10.310.000.000 | - | - | 10.310.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Năm 2015 Công ty không phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất, do vậy số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hương Ly

Nguyễn Hương Ly

Nguyễn Đức Thắng

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN KSH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 55.../2017/KSH/CV

V/v: Giải trình về chênh lệch giữa số liệu
BCTC hợp nhất tại thời điểm 30/06/2017
chưa được kiểm toán và đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển KSH
Mã chứng khoán: KSH
Trụ sở chính: Số 27 phố Hàng Bài, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024. 39364695

Trước tiên, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Quý cơ quan trong thời gian qua.

Qua Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH được kiểm toán bởi CN Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt tại Hà Nội, chúng tôi xin làm rõ vấn đề chênh lệch giữa số liệu báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 30/06/2017 chưa được kiểm toán và đã được kiểm toán như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Số liệu báo cáo trước kiểm toán | Số liệu báo cáo sau kiểm toán | Chênh lệch | Ghi chú |
|-----|---|---------------------------------|-------------------------------|------------------|---------|
| A | Nội dung trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ | | | | |
| 1 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 131,202,771,956 | 61,202,771,956 | (70,000,000,000) | (1) |
| 2 | Phải thu dài hạn khác | 214,777,000 | 70,214,777,000 | 70,000,000,000 | (2) |
| 3 | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 334,772,200,043 | 359,648,220,409 | 24,876,020,366 | (3) |
| 4 | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25,000,000,000 | 179,970,000 | (24,820,030,000) | (4) |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 13,837,342,576 | 13,866,060,650 | 28,718,074 | (5) |



| | | | | | |
|----------|---|---------------|---------------|-------------|-----|
| 6 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 2,875,367,867 | 2,902,640,159 | 27,272,292 | (6) |
| B | Nội dung trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ | | | | |
| 7 | Doanh thu hoạt động tài chính | 1,884,582,870 | 2,132,937,806 | 248,354,936 | (7) |
| 8 | Phần lãi, lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 592,230,043 | 648,220,409 | 55,990,366 | (8) |
| 9 | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 2,598,294,847 | 2,902,640,159 | 304,345,312 | (9) |

Giải trình chênh lệch:

- (1) Giảm do kiểm toán phân loại lại khoản trả trước cho người bán ngắn hạn sang chỉ tiêu phải thu dài hạn khác.
- (2) Tăng do kiểm toán phân loại lại khoản trả trước cho người bán ngắn hạn sang chỉ tiêu phải thu dài hạn khác.
- (3) Tăng do kiểm toán phân loại lại khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác sang chỉ tiêu đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: 25.000.000.000 và giảm 179.970.000 từ chỉ tiêu đầu tư vào công ty liên doanh liên kết sang chỉ tiêu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác; đồng thời tăng 55.990.366 do xác định lại tỷ lệ lợi ích trong công ty liên kết.
- (4) Giảm do kiểm toán phân loại lại khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác sang chỉ tiêu đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: 25.000.000.000 và tăng 179.970.000 từ chỉ tiêu đầu tư vào công ty liên doanh liên kết sang chỉ tiêu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- (5) Lợi nhuận tăng tương ứng với các chỉ tiêu thay đổi.
- (6) Lợi nhuận tăng tương ứng với các chỉ tiêu thay đổi.
- (7) Tăng do xác định lại lãi từ giao dịch mua giá rẻ.
- (8) Tăng do xác định lại tỷ lệ lợi ích trong công ty liên kết.
- (9) Tăng do doanh thu hoạt động tài chính và phần lãi, lỗ trong công ty liên doanh, liên kết tăng.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét tại thời điểm 30/06/2017.

Công ty rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm và giúp đỡ của Quý cơ quan.

Trân trọng kính chào

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu KT-TH



NGUYỄN ĐỨC THẮNG